TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/DS-PT
Ngày: 06 - 9 - 2018
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

Ông Nguyễn Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang***: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2018/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 241/2018/QĐPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số : 26/2018/QĐPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Đỗ Thị Ngọc H1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã C, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1929.

- Ông Đỗ Văn Z, sinh năm 1951.

- Bà Đỗ Thị R, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Đỗ Văn Z, bà Đỗ Thị R là: Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số A, ấp B, xã C, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 11 năm 2017).

2. Bị đơn: Bà Lý Thị N, sinh năm 1931.

Địa chỉ: Ấp H, xã M, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Nhật L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Bà Lý Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Đại diện cho các nguyên đơn là bà Đỗ Thị H1 trình bày: Trước đây, cha ruột bà Đỗ Thị H1 là ông Đỗ Văn X và mẹ là bà Nguyễn Thị T được Nhà nước cấp một phần đất tọa lạc tại H, xã M, thành phố V, tỉnh Hậu Giang với diện tích 12.646m^2, gồm các thửa 809, 810, 811 và 941, tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000051, cấp ngày 03 tháng 10 năm 1996 do ông Đỗ Văn X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2010, ông Đỗ Văn X chết phần đất này hiện tại ông X vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận. Phần đất này lúc còn sống ông X ,bà T đã phân chia bằng miệng cho các con gồm: Đỗ Thị R, Đỗ Văn Z và bà (Đỗ Thị H1) mỗi người một phần. Phần vị trí đất được chia của bà (Đỗ Thị H1) giáp với phần đất của bị đơn bà Lý Thị N đang tranh chấp. Bà Đỗ Thị H1 quản lý sử dụng phần đất này liên tục từ năm 1999 cho đến năm 2016 không có ai tranh chấp. Quá trình sử dụng hai bên phân biệt ranh bằng cây trụ đá do phía gia đình bà N (ông Sang con bà N đại diện) cắm để bán thửa đất 945 cho ông Tòa Văn Chuột từ năm 1993.

Đến ngày 05/8/2016, bà Lý Thị N ngang nhiên lấy lưới B40 rào lại phần đất có diện tích ngang 2m x dài 116m, thuộc thửa 809, rào lấn qua phần đất của gia đình bà Đỗ Thị H1. Ngoài ra, bà Lý Thị N còn đốn của bà Đỗ Thị H1 09 cây dừa và 06 bụi trúc trước đây do ông Đỗ Văn X trồng từ năm 1979. Nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận cho các nguyên đơn được quyền sử dụng phần đất tranh chấp diện tích chiều ngang phía trước 2m, chiều ngang phía sau 2m; chiều dài hết hậu đất 116m. Buộc bà Lý Thị N có trách nhiệm bồi thường cho các nguyên đơn giá trị thiệt hại 09 cây dừa, mỗi cây 400.000 đồng, tổng cộng là 3.600.000 đồng.

Bị đơn bà Lý Thị N trình bày: Bà không có lấn chiếm qua đất của gia đình các nguyên đơn. Phần đất tranh chấp hiện tại có nguồn gốc là của gia đình bà sử dụng. Năm 1957, gia đình bà hiến đất cho Nhà nước một phần, Nhà nước sau đố cấp lại cho ông Đỗ Văn X. Quá trình sử dụng đất của hai bên có ranh phân biệt, đất của bà là toàn bộ bờ líp trồng tre, bên đất của ông X là ruộng chạy dài thẳng từ kinh Ông Cả ra tới hết hậu đất. Năm 1979, Nhà nước lấy đất của bà là bờ líp tre và lấy đất ruộng của ông X đào đắp lên líp tre làm đê bao ngăn mặn. Ông X đem cây Dừa trồng lên đê đất, bà có báo chính quyền địa phương, chính quyền giải quyết

yêu cầu ông X dời Dừa đi nhưng ông X không chấp hành, bà nghĩ làm hàng xóm nên để vậy cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án bác yêu cầu của các nguyên đơn. Công nhận phần đất tranh chấp 262,9m^2 thuộc quyền sở hữu của bà. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 09 cây Dừa, bà thừa nhận năm 2016 bà có thuê người đốn 09 cây Dừa nhưng bà không đồng ý bồi thường.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2018/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Lý Thị N. Chấp nhận khởi kiện của các nguyên đơn về yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với bà Lý Thị N.

1. Công nhận phần đất tranh chấp (đoạn phía trên mí lộ nông thôn) chiều ngang phía trước 02 mét; chiều ngang phía sau hậu 01 mét; chiều dài 112,22 mét thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế ông Đỗ Văn X.

2. Cách xác định ranh đất của các đồng thừa kế ông Đỗ Văn X bà thửa 945 như sau:

- Đối với chiều ngang phía trước nơi giáp lộ mí nông thôn. Đo trong phần đất tranh chấp chiều ngang 02 mét về hướng thửa 945 cắm trụ bê tông lấy mốc thứ nhất.

- Đối với chiều ngang phía sau (hậu). Đo trong phần đất tranh chấp chiều ngang 01 mét về hướng thửa 945 cắm trụ bê tông lấy mốc thứ hai. Kéo dây thẳng từ mốc thứ hai ngược ra mốc thứ nhất để được mốc thứ ba là giáp mí kênh Ông Cả. Phần đất phía bên phải (tính từ chính diện lộ nông thôn nhìn vào) là đất thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế ông Đỗ Văn X.

(Có mảnh trích địa chính số - 2016 kèm theo).

3. Buộc bà Lý Thị N có trách nhiệm tháo dở, di dời lưới B40 đã rào, tự di dời hoặc đốn bỏ cây trái, hoa màu gia đình bà N đã trồng trên đất tranh chấp mà thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế ông Đỗ Văn X sau khi xác định xong ranh đất của hai bên.

4. Đình chỉ không xem xét trong cùng vụ án đối với yêu cầu bồi thường 06 bụi trúc trị giá 3.000.000 đồng của các nguyên đơn đối với bà Lý Thị N.

5. Buộc bà Lý Thị N bồi thường thiệt hại 09 cây dừa, trị giá bằng số tiền 3.600.000 đồng cho các đồng thừa kế ông Đỗ Văn X.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá; quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, bà Lý Thị N có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của các nguyên đơn; công nhận phần đất tranh chấp 262m^2 thuộc quyền sở hữu của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Ngô Nhật Linh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bà N, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do là bà N không hiểu biết pháp luật nên bà N không biết phải lập thủ tục khiếu nại đối với ông X về việc ông X sử dụng đất của bà để trồng dừa vào năm 1979 đến năm 2016.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Lý thị N.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào nội dung tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án theo quan hệ pháp luật về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản" là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Lý Thị N kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273, Điều 274, Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà Lý Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự thống nhất phần đất tranh chấp có diện tích 262,9m^2 theo Mảnh trích đo địa chính ngày 12/12/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[4] Xét về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Bà Đỗ Thị H1 đại diện cho các nguyên đơn cho rằng, phần đất này gia đình bà sử dụng ổn định và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000051, cấp ngày 03 tháng 10 năm 1996 do ông Đỗ Văn X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 12.646m^2, gồm các thửa 809, 810, 811 và 941; tại thửa 809 và 811 giáp ranh phần đất tranh chấp với bà Lý Thị N. Phía bà N cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông bà để lại cho bà và bà đã sử dụng từ trước cho đến nay, diện tích tranh chấp là nằm trong diện tích đất của bà tại thửa 945 do bà đứng tên chủ sử dụng, chứ không nằm trong thửa 809 và 811 đã cấp quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn X.

[5] Xét quá trình sử dụng đối với phần đất tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận năm 1979 ông X có trồng một hàng Dừa trên phần đất tranh chấp. Nguyên đơn cho rằng gia đình của nguyên đơn sử dụng phần đất này từ năm 1979 cho đến tại thời điểm xảy ra tranh chấp năm 2016 thì cây trái trồng trên đất đều do gia đình của nguyên đơn quản lý, hưởng huê lợi; Bị đơn thừa nhận ông Đỗ Văn X có trồng Dừa từ thời điểm năm 1979, bà N có ngăn cản và có nhờ chính quyền địa phương giải quyết buộc ông X di dời Dừa nhưng bà không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh sự việc tranh chấp giữa bà với ông X tại thời điểm đó.

[5.1] Mặt khác, bà N cho rằng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000051, cấp ngày 03 tháng 10 năm 1996 do ông Đỗ Văn X đứng tên với diện tích 12.646m^2 gồm các thửa 809, 810, 811 và 941 trên thực tế đã sử dụng nhiều X diện tích được cấp trên giấy, do đó phía gia đình ông X đã sử dụng lấn qua phần đất của bà. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ theo Mảnh trích đo địa chính ngày 12/12/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang thì thửa đất của ông X giáp với phần đất bà N là tại thửa 809, 811. Chưa tính diện tích tranh chấp thì tại thửa 809 diện tích được cấp trên giấy là 3.428m^2, năm 2014 đã chuyển sang đất giao thông 150,9m^2 nên diện tích còn lại là 3.277,1m^2 so với diện tích sử dụng thực tế là 3.087,2m^2, đã sử dụng thiếu 189,9m^2; thửa 811 diện tích được cấp trên giấy là 6.323m^2 so với diện tích sử dụng thực tế là 6.063,8m^2, đã sử dụng thiếu 259,2m^2, còn phần đất ông X sử dụng dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là nằm tại các phần đất khác không giáp với phần đất giữa bà N với gia đình ông X. Do vậy bà N cho rằng phía gia đình ông X sử dụng lấn qua phần đất của bà là không có cơ sở.

[5.3] Xét thấy, quá trình sử dụng đất của phía nguyên đơn đối với phần đất tranh chấp hiện nay đã sử dụng trồng cây lâu năm liên tục, ổn định, lâu dài. Phía bị đơn tự ý kéo lưới B40 rào đối với phần đất tranh chấp và đốn 09 cây Dừa do phía gia đình của nguyên đơn trồng là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận phần đất tranh chấp (đoạn phía trên mí lộ nông thôn) chiều ngang phía trước 02 mét; chiều ngang phía sau hậu 01 mét thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế ông Đỗ Văn X và buộc bà N có trách nhiệm tháo dở, di dời lưới B40 đã rào, tự di dời hoặc đốn bỏ cây trái, hoa màu gia đình bà N đã trồng trên đất tranh chấp và bồi thường thiệt hại 09 cây dừa, trị giá bằng số tiền 3.600.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Đối với đơn cầu của bà Lý Thị N về việc xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G474072, sổ cấp giấy chứng nhận số 000051 do Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh cấp cho ông Đỗ Văn X ngày 03 tháng 10 năm 1996. Xét thấy, yêu cầu này tại cấp sơ thẩm bà N không có yêu cầu (phản tố) nên cấp phúc

thẩm không có cơ sở để xem xét yêu cầu của bà, do đã vượt phạm vi xét xử phúc thẩm. Bà N có quyền khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông X theo trình tố tụng hành chính.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Lý Thị N có đơn yêu cầu xin miễn giảm án phí với lý do bà là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba và cung cấp được giấy tờ để chứng minh. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng đồng xét xử chấp nhận miễn án phí theo đơn yêu cầu của bà Lý Thị N.

[8] Từ những căn cứ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận đối với yêu cầu xin miễn giảm án phí của bà N; về nội dung vụ án bà N không cung cấp được chứng cứ để chứng minh phần đất tranh chấp là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà nên yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp của bà là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 273, Điều 274, Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 100 của Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lý Thị N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2018/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Lý Thị N. Chấp nhận khởi kiện của các nguyên đơn về yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với bà Lý Thị N.

1. Công nhận phần đất tranh chấp (đoạn phía trên mí lộ nông thôn) chiều ngang phía trước 02 mét; chiều ngang phía sau hậu 01 mét; chiều dài 112,22 mét thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế ông Đỗ Văn X.

2. Cách xác định ranh đất của các đồng thừa kế ông Đỗ Văn X bà thửa 945 như sau:

- Đối với chiều ngang phía trước nơi giáp lộ mí nông thôn. Đo trong phần

đất tranh chấp chiều ngang 02 mét về hướng thửa 945 cắm trụ bê tông lấy mốc thứ nhất.

- Đối với chiều ngang phía sau (hậu). Đo trong phần đất tranh chấp chiều ngang 01 mét về hướng thửa 945 cắm trụ bê tông lấy mốc thứ hai. Kéo dây thẳng từ mốc thứ hai ngược ra mốc thứ nhất để được mốc thứ ba là giáp mí kênh Ông Cả. Phần đất phía bên phải (tính từ chính diện lộ nông thôn nhìn vào) là đất thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế ông Đỗ Văn X.

(Có mảnh trích địa chính số 217/TTKTTN&MT, ngày 12/12/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang kèm theo).

3. Buộc bà Lý Thị N có trách nhiệm tháo dở, di dời lưới B40 đã rào, tự di dời hoặc đốn bỏ cây trái, hoa màu gia đình bà N đã trồng trên đất tranh chấp mà thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế ông Đỗ Văn X sau khi xác định xong ranh đất của hai bên.

4. Đình chỉ không xem xét trong cùng vụ án đối với yêu cầu bồi thường 06 bụi trúc trị giá 3.000.000 đồng của các nguyên đơn đối với bà Lý Thị N.

5. Buộc bà Lý Thị N bồi thường thiệt hại 09 cây dừa, trị giá bằng số tiền 3.600.000 đồng cho các đồng thừa kế ông Đỗ Văn X.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lý Thị N không phải chịu.

Buộc bà Đỗ Thị H1, bà Nguyễn Thị Thủ, ông Đỗ Văn Hưởng, bà Đỗ Thị Hà liên đới chịu 150.000 đồng. Chuyển 420.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009878 ngày 20 tháng 10 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà Đỗ Thị H1, bà Nguyễn Thị T , ông Đỗ Văn Z, bà Đỗ Thị R được nhận lại 270.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

7. Về chi phí, lệ phí tố tụng: Buộc bà Lý Thị N phải chịu 12.043.250 đồng để giao trả lại cho bà Đỗ Thị H1, bà Nguyễn Thị T, ông Đỗ Văn Z, bà Đỗ Thị R (do phía nguyên đơn đã tạm ứng trước).

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Thị N không phải chịu.

Bà Lý Thị N được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 0016003 ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 06 tháng 9 năm 2018.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trịnh Thị Bích Hạnh